

Bản án số: 1383/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T T L, sinh năm: 1980

Địa chỉ: XY/H DBT, Phường M, Quận T, Thành phố Y.

Địa chỉ: CC/B/N TTT, Phường B, Quận B, Thành phố Y.

Bị đơn: Ông L N Q, sinh năm 1971

Địa chỉ: XY/H DBT, Phường M, Quận T, Thành phố Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TM CP SG TT; Trụ sở: X NKKN, Phường T, Quận B, Thành phố Y.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TM CP SG TT: Ông L N T– Trưởng phòng giao dịch SVH S- Chi nhánh Quận M, Thành phố Y- Phòng giao dịch SVH (theo Quyết định ủy quyền số 496/2021/GUQ-CNQ10 của Giám đốc Ngân hàng Sacombank); Địa chỉ: Z SVH (nối dài), Phường M, Quận M, Thành phố Y.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TM CP SG TT: Ông T H L– Phó Phòng giao dịch SVH S- Chi nhánh Quận M, Thành phố Y- Phòng giao dịch SVH

(theo Quyết định ủy quyền số 97/2022/GUQ-CNQ10 ngày 22/7/2022); Địa chỉ: Z SVH (nổi dài), Phường M, Quận M, Thành phố Y.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2021 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn Bà T T L trình bày:

Bà T T L và Ông L N Q chung sống với nhau từ năm 2010 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 02/6/2010, thời gian đầu chung sống hòa thuận và hạnh phúc và sống tại địa chỉ XY/H DBT, Phường M, Quận T, Thành phố Y. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020 vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung, Ông Q chửi bới Bà L thậm tệ và gia đình Bà L nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Ngày 23/9/2020 Bà L nộp đơn xin ly hôn với Ông L N Q tuy nhiên do mong muốn cho con có gia đình hạnh phúc trọn vẹn, Ông Q có cơ hội thay đổi để hai vợ chồng hoà giải đoàn tụ gia đình nên đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1183/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2020. Ông Q không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể duy trì cuộc hôn nhân dù hai bên đã cố gắng nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà L giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với Ông L N Q.

Về nuôi con chung: Bà T T L xác định vợ chồng có 02 con chung L Q H, sinh ngày 17/02/2011 và L T U, sinh ngày 28/7/2012, ngoài ra không còn con chung nào khác. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ, không yêu cầu Ông L N Q cấp dưỡng nuôi con. Hai trẻ đang sống cùng với Bà L.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T T L và Ông L N Q vay Ngân hàng TMCP SG TT- Chi nhánh ĐBP- Phòng giao dịch SVH theo Giấy đề nghị cấp tín dụng số LD1602000208 ký ngày 05/01/2016, Hợp đồng thế chấp số LD1602000208/HĐTC ký ngày 22/01/2016 thế chấp tài sản; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ CC/b MC, Phường M, Quận T, Thành phố Y để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH SXTM XNK MC G (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0312402466) với khoản vay nợ gốc là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Từ thời điểm vay đến nay Bà L luôn thực hiện nghĩa vụ đóng vốn và lãi hàng tháng đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng vay. Nay Bà L có thỏa thuận với Ngân hàng số nợ này và Ngân hàng đồng ý không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L và Ông Q đã thanh toán toàn bộ số nợ với Ngân hàng TMCP SG TT- Chi nhánh Quận M - Phòng giao dịch SVH đến ngày 27/10/2022 Ngân hàng ra Thông báo

giải chấp số 15/2022/CV-GC/2022 lý do khách hàng hoàn tất nghĩa vụ bảo đảm. Do đó Bà L khẳng định về nợ chung: Không có.

Ông L N T- Người đại diện của Ngân hàng TMCP SG TT- Chi nhánh Quận M - Phòng giao dịch SVH là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông Lê Ngọc Quang và Bà T T L có vay vốn Ngân hàng TMCP SG TT- Chi nhánh ĐBP- Phòng giao dịch SVH theo Giấy đề nghị cấp tín dụng số LD1602000208 ký ngày 05/01/2016, Hợp đồng thế chấp số LD1602000208/HĐTC ký ngày 22/01/2016 thế chấp tài sản; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ CC/b MC, Phường M, Quận T, Thành phố Y để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH SXTM XNK MC G (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0312402466) với khoản vay nợ gốc là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) và các khoản phải trả khác được quy định tại Hợp đồng tín dụng; các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai. Từ thời điểm vay đến nay Ông Q và Bà L luôn thực hiện nghĩa vụ đóng vốn và lãi hàng tháng đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng vay và có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP SG TT- Chi nhánh Quận M - Phòng giao dịch SVH: Ông T H L có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/11/2022: Do Bà T T L và Ông L N Q đã tất toán toàn bộ các khoản nợ vay của Ngân hàng, do đó không tham gia phiên tòa xét xử vụ án và yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TM CP SG TT- Chi nhánh Quận M.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/12/2021 Ông L N Q trình bày: Ông L N Q và Bà T T L chung sống với nhau từ năm 2010 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 02/6/2010, thời gian đầu chung sống hòa thuận và hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020 vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung, Bà L chửi bới Ông Q và gia đình của Ông Q nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Hiện nay Ông Q đang cư trú tại nhà số XY/H DBT, Phường M, Quận T, Thành phố Y. Nay Bà L yêu cầu ly hôn Ông Q không đồng ý ly hôn vì nếu Bà L muốn ly hôn thì Bà L phải kêu hết những người anh chị em của Bà L ký sang tên các tài sản đã đứng tên dùm chuyển cho Ông Q lúc đó Ông Q mới đồng ý ly hôn với Bà L.

Về nuôi con chung: Ông Q và Bà T T L xác định vợ chồng chung sống với nhau có 02 con chung tên L Q H, sinh ngày 17/02/2011 và L T U, sinh ngày 28/7/2012, ngoài ra không còn con chung nào khác. Ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ là L Q H và L T U, không yêu cầu Bà T T L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Q yêu cầu được chia đôi phần tài sản chung, tài sản chung gồm những gì Ông Q sẽ liệt kê và nộp cho Tòa sau.

Về nợ chung: Vợ chồng Ông Q nợ Ngân hàng Sacombank số tiền 3.100.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm triệu đồng). Ông Q yêu cầu hai vợ chồng cùng trả số nợ trên, Ông Q sẽ cung cấp tài liệu vay Ngân hàng sau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn Ông L N Q đến Tòa án để hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn Bà T T L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP SG TT- Chi nhánh Quận M - Phòng giao dịch SVH có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn Ông L N Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử theo quy định pháp luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thuý Lan; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP SG TT- Chi nhánh Quận M - Phòng giao dịch SVH có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt Bà L và Ngân hàng TMCP SG TT- Chi nhánh Quận M - Phòng giao dịch SVH. Bị đơn Ông L N Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn Ông L N Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng Ông L N Q vắng mặt không có lý do. Do vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt Ông L N Q.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của Bà T T L thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn Ông L N Q hiện cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, Bà T T L và Ông L N Q chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 02/6/2010) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Bà T T L cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020 do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung, Ông Q chửi bới Bà L thậm tệ và gia đình Bà L nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Ngày 23/9/2020 Bà L nộp đơn xin ly hôn với Ông L N Q tuy nhiên do mong muốn cho con có gia đình hạnh phúc trọn vẹn, Ông Q có cơ hội thay đổi để hai vợ chồng hòa giải đoàn tụ gia đình nên đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1183/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2020. Ông Q không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể duy trì cuộc hôn nhân dù hai bên đã cố gắng nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà L giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với Ông L N Q.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/12/2021 Ông L N Q trình bày: Ông L N Q và Bà T T L chung sống với nhau từ năm 2010 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 02/6/2010, thời gian đầu chung sống hòa thuận và hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020 vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung, Bà L chửi bới Ông Q và gia đình của Ông Q nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Hiện nay Ông Q đang cư trú tại nhà số XY/H DBT, Phường M, Quận T, Thành phố Y. Nay Bà L yêu cầu ly hôn Ông Q không đồng ý ly hôn vì nếu Bà L muốn ly hôn thì Bà L phải kêu hết những người anh chị em của Bà L ký sang tên các tài sản đã đứng tên dùm chuyển cho Ông Q lúc đó Ông Q mới đồng ý ly hôn với Bà L.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập Ông L N Q không đến Tòa để tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng Ông L N Q vẫn vắng mặt mà không có lý do và không đưa ra được biện pháp hàn gắn gia đình. Điều này thể hiện Ông Q đã từ bỏ quyền lợi của mình, không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Q không đồng ý ly hôn chỉ vì liên quan đến tài sản. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Về nuôi con chung: Bà T T L và Ông L N Q xác định vợ chồng có 02 con chung L Q H, sinh ngày 17/02/2011 và L T U, sinh ngày 28/7/2012, ngoài ra không còn con chung nào khác. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ. Hai trẻ đang sống cùng với Bà L. Ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ là L Q H và L T U, không yêu cầu Bà T T L cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ, trẻ tên L Q H, sinh ngày 17/02/2011 và L T U, sinh ngày 28/7/2012 hiện đang sinh sống cùng bà Trần Thuý Lan. Bản tự khai ngày 24/3/2021 trẻ L Q H và L T U có nguyện vọng được sống với mẹ là Trần Thuý Lan. Bà L và Ông Q có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho Bà L tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ông L N Q cho đến khi Bà T T L có yêu cầu là phù hợp. Ông L N Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình. Nếu sau khi ly hôn Bà T T L và Ông L N Q có yêu cầu tranh chấp về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Bà L không yêu cầu Ông Q cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T T L xác định hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Q yêu cầu được chia đôi phần tài sản chung, tài sản chung gồm những gì Ông Q sẽ liệt kê và nộp cho Tòa sau. Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 59/2022/QĐ-CCTLCC: Yêu cầu Ông L N Q là bị đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh về nợ chung và tài sản chung của hai vợ chồng Ông L N Q và bà Trần Thuý Lan, cung cấp thông tin, tài liệu và chứng cứ cụ thể. Ông Q đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không cung cấp cho Tòa án theo Quyết định trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà T T L xác nhận là Bà L và Ông L N Q vay Ngân hàng TMCP SG TT- Chi nhánh ĐBP- Phòng giao dịch SVH theo Giấy đề nghị cấp tín dụng số LD1602000208 ký ngày 05/01/2016, Hợp đồng thế chấp số LD1602000208/HĐTC ký ngày 22/01/2016 thế chấp tài sản; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ CC/b MC, Phường M, Quận T, Thành phố Y để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH SXTM XNK MC G (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0312402466) với khoản vay nợ gốc là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Bà L và Ông Q đã thanh toán toàn bộ số nợ với Ngân hàng TMCP SG TT- Chi nhánh Quận M - Phòng giao dịch SVH đến ngày 27/10/2022 Ngân hàng ra Thông báo giải chấp số 15/2022/CV-GC/2022 lý do khách hàng hoàn tất nghĩa vụ bảo đảm. Do đó Bà L khẳng định về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L N Q xác nhận: Ông Q và Bà T T L nợ Ngân hàng Sacombank số tiền 3.100.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm triệu đồng). Ông Q yêu cầu hai vợ chồng cùng trả số nợ trên, Ông Q sẽ cung cấp tài liệu vay Ngân hàng sau. Tòa án nhân dân Quận

8, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 59/2022/QĐ-CCTLCC: Yêu cầu Ông L N Q là bị đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh về nợ chung và tài sản chung của hai vợ chồng Ông L N Q và bà Trần Thuý Lan, cung cấp thông tin, tài liệu và chứng cứ cụ thể. Ông Q đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không cung cấp cho Tòa án theo Quyết định trên.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP SG TT- Chi nhánh Quận M - Phòng giao dịch SVH: Ông T H L có ý kiến Bà T T L và Ông L N Q đã tắt toán toàn bộ các khoản nợ vay của Ngân hàng theo Thông báo giải chấp số 15/2022/CV-GC/2022 ngày 27/10/2022 lý do khách hàng hoàn tất nghĩa vụ bảo đảm.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà T T L về việc xin ly hôn với Ông L N Q .

- Về hôn nhân: Bà T T L được ly hôn với Ông L N Q (theo giấy chứng nhận kết hôn số 75 của Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/6/2010).

- Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên là L Q H, sinh ngày 17/02/2011 và L T U, sinh ngày 28/7/2012 cho Bà T T L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với Ông L N Q cho đến khi Bà L có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T T L xác định hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T T L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TM CP SG TT xác định Bà T T L và Ông L N Q đã tất toán toàn bộ các khoản nợ vay của Ngân hàng theo Thông báo giải chấp số 15/2022/CV-GC/2022 ngày 27/10/2022 lý do khách hàng hoàn tất nghĩa vụ bảo đảm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng Bà T T L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0044914 ngày 22/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T T L đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Tiên

